

QUY ĐỊNH
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy
của Ban Dân vận Thị ủy

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Thị ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Thị ủy khoá XXI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Xét Tờ trình số 45-TTr/BDVTU ngày 20/7/2022 của Ban Dân vận Thị ủy và đề nghị của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ tại Tờ trình số 110-TTr/TCNV ngày 16/8/2022, Ban Thường vụ Thị ủy ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Thị ủy như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Thị ủy.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức

1. Bảo đảm tham mưu, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy; không chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc; một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

2. Bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với phân loại đơn vị hành chính và điều kiện thực tế của thị xã.

3. Cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trong tham mưu, đề xuất và thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao trước Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy.

2. Được yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thị ủy và các cơ quan liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

3. Được cử cán bộ, công chức dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thị ủy và các cơ quan có liên quan khi bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan phụ trách.

4. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy và cơ quan cấp trên có liên quan theo quy định.

Chương II **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY**

Điều 4. Chức năng

Ban Dân vận Thị ủy là cơ quan tham mưu, giúp việc của Thị ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Thị ủy về công tác dân vận (*bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo*) của Thị ủy.

Điều 5. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện

1.1. Những chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Thị ủy. Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nghị quyết đại hội, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình, kế hoạch, kết luận của Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy về công tác dân vận.

1.2. Chủ trì, phối hợp tham mưu triển khai thực hiện các văn bản của cấp ủy cấp trên; pháp luật và chính sách của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

1.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân (*tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân*) để báo cáo và tham mưu cho Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy.

1.4. Tham mưu, giúp Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương; lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan nhà nước ở địa phương thực hiện công tác dân vận chính quyền.

1.5. Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo thị xã và Ban chỉ đạo về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thị xã.

1.6. Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

2.1. Việc thực hiện các chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của cấp ủy cấp trên và của Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy về công tác dân vận.

2.2. Hướng dẫn, phối hợp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận của các cấp trong Đảng bộ thị xã.

3. Thẩm định, thẩm tra

3.1. Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy.

3.2. Tham gia thẩm định các đề án, dự án, văn bản có liên quan đến công tác dân vận; các đề án, dự án liên quan đến quyền làm chủ của Nhân dân và công tác dân vận của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã.

4. Phối hợp

4.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Thị ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã và các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận.

4.2. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc Thị ủy, cơ quan, tổ chức liên quan theo dõi, nắm tình hình tư tưởng, nguyện vọng của Nhân dân và phong trào quần chúng, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy.

4.3. Với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng thị xã tham gia công tác xây dựng Đảng; xây dựng chính quyền; xây dựng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng.

4.4. Với các cơ quan chức năng đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận đối với các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Thị ủy.

4.5. Tham gia ý kiến về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, miễn nhiệm, kỷ luật đối với đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận theo phân cấp quản lý.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ do Ban Thường vụ, Thường trực Thị ủy giao.

Điều 6. Tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo: Gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban. Số lượng Phó Trưởng ban do Ban Thường vụ Thị ủy xem xét, quyết định theo quy định và Đề án vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trưởng Ban Dân vận Thị ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã.

2. Biên chế: Biên chế của Ban Dân vận Thị ủy do Ban Thường vụ Thị ủy xem xét, quyết định trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ và Đề án vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Chương III MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Với Ban Dân vận Tỉnh ủy

Ban Dân vận Thị ủy chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy theo quy định.

Điều 8. Với Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy

Ban Dân vận Thị ủy chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy; thực hiện chế độ tham mưu, báo cáo, xin ý kiến và đề xuất các vấn đề thuộc trách nhiệm của lĩnh vực được phân công với Ban Thường vụ, Thường trực Thị ủy.

Điều 9. Với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã

Quan hệ giữa Ban Dân vận Thị ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã là mối quan hệ phối hợp.

1. Khi triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu có gắn với công tác quản lý nhà nước thì Ban Dân vận Thị ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã tạo điều kiện, hỗ trợ lẫn nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân thị xã và Ủy ban nhân dân thị xã bàn về những chủ trương, quyết định, chính sách, chế độ... có liên quan đến công tác dân vận, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân thì đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Thị ủy được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết thì lãnh đạo Ban Dân vận Thị ủy làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã và các phòng, ban chuyên môn thuộc Hội đồng nhân dân thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã để phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc Thị ủy

Quan hệ giữa Ban Dân vận Thị ủy với các cơ quan tham mưu, giúp việc Thị ủy là quan hệ phối hợp, bảo đảm phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy, Thường trực Thị ủy.

Điều 11. Với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thị xã

Quan hệ giữa Ban Dân vận Thị ủy với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thị xã là quan hệ phối hợp.

1. Trong phạm vi lĩnh vực công tác, chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thị xã triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế của cấp trên và cấp mình.

2. Phối hợp nghiên cứu, hướng dẫn triển khai nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế và kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được Thị ủy, Ban Thường vụ Thị ủy giao.

Điều 12. Với các đảng ủy, chi bộ trực thuộc Thị ủy và khối dân vận các xã, phường

1. Quan hệ giữa Ban Dân vận Thị ủy với Đảng ủy, chi bộ trực thuộc Thị ủy là quan hệ phối hợp, hướng dẫn, trao đổi trong việc thực hiện công tác chuyên môn và công tác cán bộ theo phân cấp.

2. Quan hệ giữa Ban Dân vận Thị ủy với khối dân vận các xã, phường là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13.

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quy định số 272-QĐ/TU ngày 10/03/2021 của Ban Thường vụ Thị ủy Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Thị ủy.

2. Ban Dân vận Thị ủy chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này và phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức của cơ quan để thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Ban Dân vận Thị ủy kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Thị ủy xem xét theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
 - Ban Dân vận Tỉnh ủy,
 - Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
 - Đồng chí Phan Công Bình, UV BTVTU
- Giám đốc Công an tỉnh (*phụ trách thị xã*),
- TT HĐND, UBND thị xã,
 - Các đ/c Ủy viên BTV Thị ủy,
 - Các cơ quan TMGV Thị ủy,
 - Mặt trận, các tổ chức CT-XH thị xã,
 - Các đảng ủy, chi bộ trực thuộc Thị ủy,
 - C, PC Văn phòng thị xã,
 - Lưu Văn phòng thị xã.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Bùi Văn Lý